

Số: 438 /2007/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về một số cơ chế chính sách đẩy mạnh xã hội hoá trong lĩnh vực dịch vụ đô thị, giáo dục đào tạo, y tế, văn hoá, thể dục thể thao trên địa bàn Thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh Thủ Đô Hà Nội ngày 28/12/2000;

Căn cứ Nghị định số 92/2005/NĐ - CP ngày 12/7/2005 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Thủ Đô Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18/4/2005 của Chính phủ về đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động giáo dục, y tế, văn hoá, thể thao;

Căn cứ Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25/5/2006 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập;

Căn cứ Thông tư số 91/2006/TT-BTC ngày 02/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25/5/2006 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2007/NQ-HĐND ngày 13/7/2006 của HĐND Thành phố khoá XIII kỳ họp thứ 9;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 3333/TTr STC-HCSN ngày 10/9/2007 và công văn số 4417/STC - HCSN ngày 14/11/2007; Báo cáo thẩm định số 1003/STP-VBPQ ngày 28/8/2007 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản "Quy định về một số cơ chế, chính sách đẩy mạnh xã hội hoá trong lĩnh vực dịch vụ đô thị, giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao trên địa bàn Thành phố Hà Nội".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở, Ban, Ngành; Chủ tịch UBND các quận, huyện; Các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

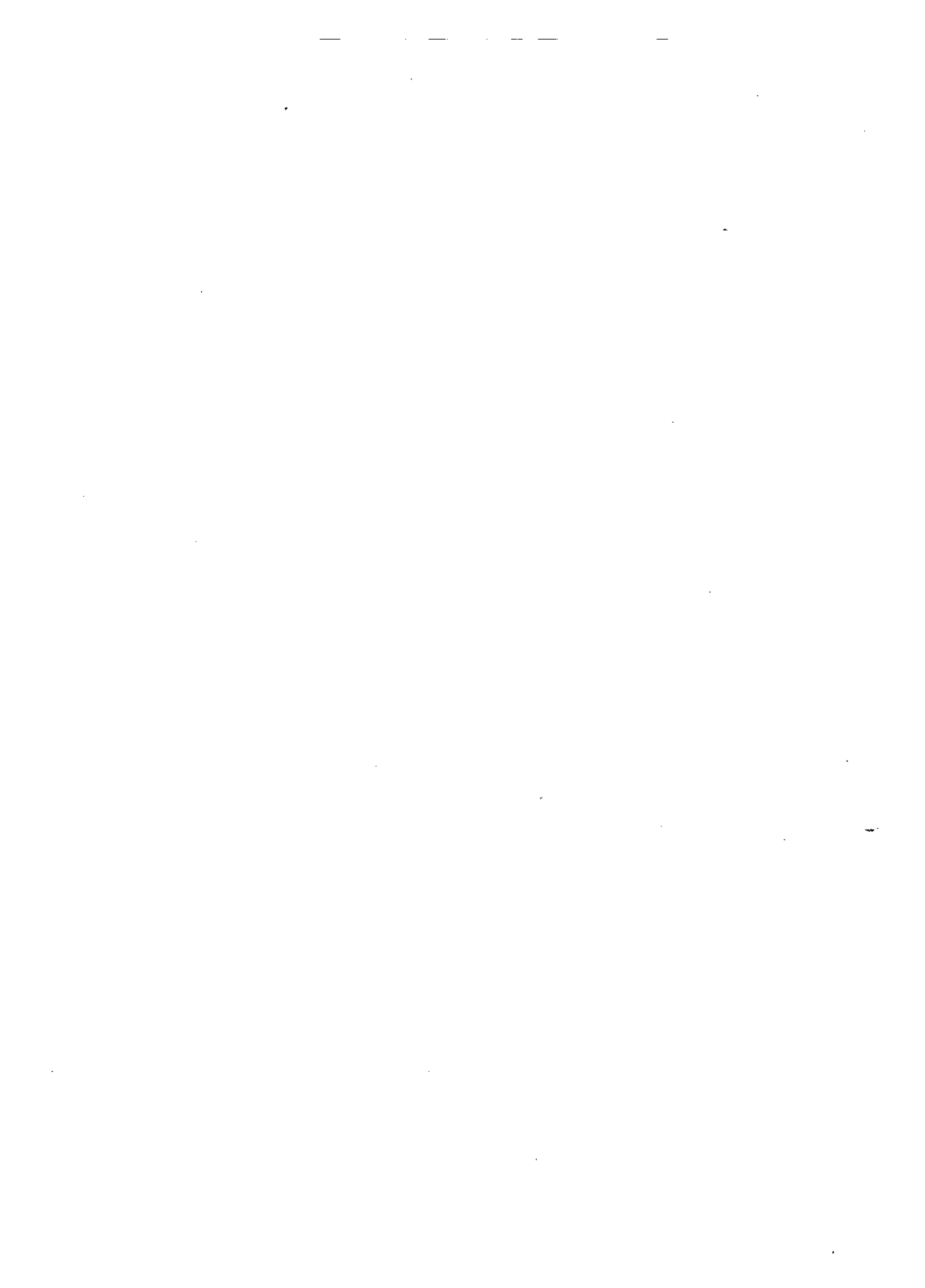
- Như điều 3;
- TT Thành uỷ;
- TT HĐND TP;
- Đ/c Chủ tịch, các đ/c PCT UBND TP;
- Ban TG TU, Các Ban KT-NS, VX HĐND;
- CPVP, VX, KT, CN, XD, NN, TH;
- Lưu:VT. *Đức*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN, *Đức*

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH





QUY ĐỊNH

Về một số cơ chế, chính sách đẩy mạnh xã hội hoá trong lĩnh vực dịch vụ đô thị, giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá, thể dục thể thao trên địa bàn

Thành phố Hà Nội

(Ban hành kèm theo Quyết định số 138/2007/QĐ-UBND ngày 03/12/2007 của UBND Thành phố Hà Nội)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng

Quy định này quy định một số cơ chế, chính sách đẩy mạnh xã hội hóa trong các lĩnh vực dịch vụ đô thị, giáo dục-đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Cụ thể như sau:

1. Lĩnh vực dịch vụ đô thị:

Các dự án nằm trong quy hoạch xây dựng đạt quy mô chuẩn (hoặc đã có chỉ giới, các thông số quy hoạch cơ bản) được Thành phố công bố danh mục kêu gọi đầu tư theo phương thức xã hội hoá, bao gồm:

- a. Dự án xây dựng công viên, khu vui chơi giải trí.
- b. Dự án xây dựng các điểm trông giữ ô tô, xe máy, xe đạp (sau đây gọi tắt là điểm trông giữ xe).
- c. Dự án công hoá kênh, mương thoát nước làm điểm trông giữ xe.

2. Lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá, thể dục thể thao:

a. Cơ sở công lập có các dự án đầu tư xây dựng, tăng cường cơ sở vật chất.

b. Cơ sở ngoài công lập: Là cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều 2 Nghị định 53/2006/NĐ-CP ngày 25/5/2006 của Chính phủ và mục II Thông tư số 91/2006/TT-BTC ngày 2/10/2006 của Bộ Tài chính, được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động trong các lĩnh vực giáo dục-đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao.

Chương II CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục I. LĨNH VỰC DỊCH VỤ ĐÔ THỊ

Điều 2. Các dự án xây dựng công viên, khu vui chơi giải trí, các điểm trông giữ xe

1. Các dự án quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 1 của Quy định này được áp dụng giá thuê đất ở mức tối thiểu theo Nghị định của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước:

Trường hợp không được khấu trừ tiền bồi thường, hỗ trợ đất vào tiền thuê đất, áp dụng đơn giá thuê đất bằng 0,5% giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp; Trường hợp được khấu trừ tiền bồi thường, hỗ trợ đất vào tiền thuê đất, áp dụng đơn giá thuê đất bằng 0,7% giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp.

2. Mức thu từ các hoạt động trong công viên, khu vui chơi giải trí, các điểm trông giữ xe tại các dự án trên theo phương án được cấp có thẩm quyền quyết định trong từng dự án cụ thể, được công khai và chịu sự kiểm tra giá theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Các dự án công hoá kênh, mương thoát nước làm điểm trông giữ xe

1. Thành phố quy hoạch và công bố công khai các vị trí, diện tích kênh, mương thoát nước được công hoá làm các điểm trông giữ xe, đầu tư theo phương thức xã hội hoá; Sở Giao thông Công chính chủ trì và công bố rõ trách nhiệm, quyền lợi của nhà đầu tư, hình thức lựa chọn chủ đầu tư, thời hạn sử dụng khai thác với các dự án thuộc Thành phố quản lý và hướng dẫn UBND các quận huyện theo phân cấp quản lý.

Việc lựa chọn chủ đầu tư thực hiện theo các quy định hiện hành của Thành phố về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Khi thực hiện dự án, nhà đầu tư ký hợp đồng khai thác với cơ quan đơn vị quản lý hệ thống thoát nước (Sở Giao thông Công chính hướng dẫn cụ thể các quy định về hợp đồng khai thác). Trong thời hạn khai thác của dự án không phải thực hiện các quy định về giao đất, cho thuê đất.

2. Đối với các dự án quy định tại khoản 1 Điều này không phải là điểm trông giữ xe công cộng, được áp dụng giá dịch vụ. Mức giá dịch vụ theo phương án nhà đầu tư lập, Sở Tài chính phối hợp với các sở chuyên ngành thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo từng dự án cụ thể, được công khai và chịu sự quản lý kiểm tra giá theo quy định của pháp luật.

Mục II. ĐỐI VỚI LĨNH VỰC GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO, Y TẾ, VĂN HOÁ, THỂ THAO

A. CƠ SỞ CÔNG LẬP

Điều 4. Về huy động vốn cho các dự án đầu tư xây dựng, tăng cường cơ sở vật chất

1. Các dự án đầu tư xây dựng, tăng cường cơ sở vật chất trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá thông tin, thể dục thể thao được vay vốn từ Quỹ đầu tư phát triển Thành phố Hà Nội.

2. Các dự án đầu tư: mở rộng, nâng cấp, đầu tư thiết bị, xây dựng mới bệnh viện; các dự án đầu tư mở rộng, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở giáo dục -

đào tạo và dạy nghề được vay vốn tín dụng đầu tư, hỗ trợ sau đầu tư tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo Nghị định số 151/2006/NĐ-CP ngày 20/12/2006 của Chính phủ.

3. Ngân sách Thành phố hỗ trợ một phần lãi suất tiền vay sau đầu tư cho cơ sở giáo dục - đào tạo, y tế có các dự án đầu tư xây dựng, tăng cường cơ sở vật chất đạt tiêu chuẩn quy định tại điểm a khoản này đã vay vốn tín dụng thương mại hoặc vay từ Quỹ Đầu tư phát triển Hà Nội (trường hợp Quỹ huy động vốn tín dụng thương mại ngoài vốn điều lệ để cho vay) sau khi dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng và trả được nợ vay.

a. Các dự án phải đạt tiêu chuẩn trình độ cao, chất lượng cao (theo thâm định của sở chủ quản chuyên ngành), bao gồm:

Các dự án đầu tư trường học thuộc các bậc học mầm non, giáo dục phổ thông đạt chuẩn quốc gia; Các trường trung học chuyên nghiệp, dạy nghề đảm bảo các điều kiện theo quy định của Điều lệ trường trung học chuyên nghiệp, dạy nghề thuộc các ngành, lĩnh vực áp dụng kỹ thuật công nghệ cao, chất lượng cao theo các mục tiêu cần được ưu tiên của Thành phố.

Các dự án đầu tư phát triển dịch vụ y tế, có quy mô tương đương với bệnh viện đa khoa cấp huyện, tối thiểu đạt 50 giường bệnh trở lên theo quy định chuẩn của Bộ Y tế; Các dự án đầu tư xây dựng trung tâm y tế kỹ thuật cao.

b. Mức hỗ trợ một phần lãi suất tiền vay sau đầu tư, quy trình thủ tục cấp hỗ trợ một phần lãi suất tiền vay sau đầu tư cho từng dự án thực hiện theo phụ lục 1 đính kèm quyết định này.

B. CƠ SỞ NGOÀI CÔNG LẬP

Điều 5. Về giao đất, cho thuê đất

1. Thực hiện công bố công khai:

a. Quy hoạch xây dựng

b. Kế hoạch sử dụng đất, và quỹ đất dành cho các cơ sở ngoài công lập (kể cả quỹ đất trong các khu đô thị)

c. Kế hoạch phát triển xã hội hoá của ngành, của quận, huyện.

d. Danh mục các dự án kêu gọi đầu tư (xã hội hoá) của ngành, lĩnh vực.

2. Giao đất, cho thuê đất: Theo quy định tại Thông tư số 05/2007/TT-BTNMT ngày 30/5/2007 của Bộ Tài nguyên Môi trường hướng dẫn các trường hợp được ưu đãi về sử dụng đất và việc quản lý đất đai đối với các cơ sở giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá, thể dục thể thao, khoa học - công nghệ, môi trường, xã hội, dân số gia đình, bảo vệ và chăm sóc trẻ em. Hình thức giao đất, cho thuê đất (gọi là hình thức sử dụng đất) thực hiện như sau:

a. Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để xây dựng cơ sở cung ứng dịch vụ công cộng (các công trình giáo dục đào tạo, y tế, văn hoá, thể dục thể thao phục vụ lợi ích công cộng) không nhằm mục đích kinh doanh.

b. Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để xây dựng cơ sở cung ứng dịch vụ công cộng (các công trình giáo dục đào tạo, y tế, văn hoá, thể dục thể thao) có mục đích kinh doanh.

c. Nhà nước cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm để xây dựng cơ sở cung ứng dịch vụ công cộng (các công trình giáo dục đào tạo, y tế, văn hoá, thể dục thể thao) có mục đích kinh doanh.

d. Việc xác định loại hình cơ sở cung ứng dịch vụ công cộng không nhằm mục đích kinh doanh và có mục đích kinh doanh theo quy định tại Mục II Thông tư số 05/2007/TT-BTNMT ngày 30/5/2007.

3. Việc lựa chọn chủ đầu tư để giao đất, cho thuê đất thực hiện theo quy định hiện hành của Thành phố về việc đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

4. Cơ chế ứng vốn có thu hồi để tạo quỹ đất sạch: Cơ sở ngoài công lập được giao đất, thuê đất (có nhu cầu tạo quỹ đất sạch) hợp đồng với các trung tâm phát triển quỹ đất để thực hiện việc thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng theo cơ chế: Trung tâm phát triển quỹ đất ứng vốn trước để đầu tư tạo quỹ đất sạch (thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy hoạch được duyệt) cho các cơ sở ngoài công lập, cơ sở ngoài công lập hoàn trả toàn bộ phần vốn Trung tâm phát triển quỹ đất đã ứng trước theo hợp đồng.

5. Các nội dung khác về giao đất, cho thuê đất thực hiện theo Điều 5 Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25/5/2006 của Chính phủ và tại mục V Thông tư số 91/2006/TT-BTC ngày 02/10/2006 của Bộ Tài chính.

Điều 6. Về xây dựng nhà, cơ sở hạ tầng cho cơ sở ngoài công lập thuê

1. Căn cứ vào quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của Thành phố, Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất: Xác định quỹ nhà, cơ sở hạ tầng thuộc Nhà nước quản lý có đủ điều kiện trình UBND Thành phố quyết định việc đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xây mới quỹ nhà, cơ sở hạ tầng thuộc Nhà nước quản lý để cho các cơ sở ngoài công lập thuê dài hạn trong từng trường hợp cụ thể với giá ưu đãi tùy theo vị trí, địa điểm tại các khu vực, phù hợp với phương án khai thác, sử dụng của cơ sở ngoài công lập; Chủ trì thực hiện đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xây mới để cho các cơ sở ngoài công lập thuê.

Sở Tài chính chủ trì phối hợp Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất và các sở chuyên ngành có liên quan thẩm định xác định giá thuê ưu đãi cho từng dự án cụ thể trình UBND Thành phố quyết định.

2. Các dự án tại khoản 1 Điều này trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế đạt tiêu chuẩn quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 của quy định này được:

a. Vay vốn tại Quỹ đầu tư phát triển Hà Nội

b. Ngân sách Thành phố hỗ trợ một phần lãi suất tiền vay sau đầu tư cho dự án đã vay vốn tín dụng thương mại hoặc vay từ Quỹ Đầu tư phát triển Hà Nội (trường hợp Quỹ huy động vốn tín dụng thương mại ngoài vốn điều lệ để cho vay) sau khi dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng và trả được nợ vay.

Mức hỗ trợ một phần lãi suất tiền vay sau đầu tư, quy trình thủ tục cấp hỗ trợ một phần lãi suất tiền vay sau đầu tư cho từng dự án thực hiện theo phụ lục 1 đính kèm quyết định này.

Điều 7. Về đầu tư xây dựng nhà, cơ sở vật chất của cơ sở ngoài công lập

1. Các dự án đầu tư xây dựng, tăng cường cơ sở vật chất của cơ sở ngoài công lập trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá thông tin, thể dục thể thao được vay vốn từ Quỹ đầu tư phát triển Thành phố Hà Nội.

2. Các dự án đầu tư xây dựng nhà, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động cung ứng dịch vụ của cơ sở ngoài công lập được miễn nộp phí xây dựng.

3. Các dự án đầu tư: mở rộng, nâng cấp, đầu tư thiết bị, xây dựng mới bệnh viện; các dự án đầu tư mở rộng, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở giáo dục - đào tạo và dạy nghề được vay vốn tín dụng đầu tư, hỗ trợ sau đầu tư tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo Nghị định số 151/2006/NĐ-CP ngày 20/12/2006 của Chính phủ.

4. Ngân sách Thành phố hỗ trợ một phần lãi suất tiền vay sau đầu tư cho các dự án đầu tư xây dựng, tăng cường cơ sở vật chất của cơ sở ngoài công lập trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế đạt tiêu chuẩn quốc gia, cung cấp dịch vụ trình độ cao, chất lượng cao (theo điểm a khoản 3 Điều 4 của quy định này) đã vay vốn tín dụng thương mại hoặc vay từ Quỹ Đầu tư phát triển Hà Nội (trường hợp Quỹ huy động vốn tín dụng thương mại ngoài vốn điều lệ để cho vay) sau khi dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng và trả được nợ vay.

Mức hỗ trợ một phần lãi suất tiền vay sau đầu tư, quy trình thủ tục cấp hỗ trợ một phần lãi suất tiền vay sau đầu tư cho từng dự án thực hiện theo phụ lục 1 đính kèm quyết định này.

5. Các quy định khác về việc huy động vốn đầu tư của cơ sở ngoài công lập thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định 53/2006/NĐ-CP ngày 25/5/2006 của Chính phủ và Mục VIII Thông tư 91/2006/TT-BTC ngày 2/10/2006 của Bộ Tài chính.

Điều 8. Về thuế, phí, lệ phí

1. Các cơ sở ngoài công lập được hưởng các ưu đãi về lệ phí trước bạ, thuế giá trị gia tăng, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25/5/2006 của Chính phủ.

2. Các cơ sở ngoài công lập được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo Điều 8 Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25/5/2006 của Chính phủ và mục VII Thông tư số 91/2006/TT-BTC ngày 02/10/2006 của Bộ Tài chính.

Điều 9. Về đào tạo cán bộ

1. Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách, UBND Thành phố (quận, huyện theo phân cấp quản lý) quyết định hỗ trợ kinh phí từ ngân sách Thành phố (ngân sách các quận, huyện) để đào tạo, bồi dưỡng tập huấn kiến thức cơ bản theo chỉ tiêu phê duyệt hàng năm cho đội ngũ cán bộ thuộc các cơ sở ngoài công lập. Nguồn kinh phí hỗ trợ được cấp trực tiếp về các cơ sở đào tạo bồi dưỡng chuyên ngành hoặc về các cơ quan, đơn vị được Thành phố giao chủ trì tổ chức thực hiện các lớp đào tạo, bồi dưỡng.

2. Mức hỗ trợ, quy trình xây dựng và phê duyệt chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng theo phụ lục 2 đính kèm.

Điều 10. Khen thưởng:

Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25/5/2006 của Chính phủ và các quy định hiện hành.

Điều 11. Về nguồn thu của cơ sở ngoài công lập:

1. Cơ sở ngoài công lập được tự chủ quy định mức thu theo nguyên tắc bảo đảm đủ trang trải các chi phí cần thiết, hợp lý, có tích lũy để đầu tư phát triển đối với những dịch vụ Nhà nước không quy định mức thu. Mức thu của từng cơ sở ngoài công lập phải được công khai và tổng hợp báo cáo về các sở chủ quản chuyên ngành, UBND quận, huyện và Sở Tài chính theo phân cấp.

2. Các quy định khác về nguồn thu của cơ sở ngoài công lập thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định 53/2006/NĐ-CP ngày 25/5/2006 của Chính phủ và Mục X Thông tư 91/2006/TT-BTC ngày 2/10/2006 của Bộ Tài chính.

C. XỬ LÝ VỀ TÀI SẢN ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG HỢP CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Xử lý về tài sản đối với các trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động:

1. Đối với trường hợp chuyển các cơ sở công lập, bán công ra ngoài công lập (cơ sở cung ứng dịch vụ công cộng không nhằm mục đích kinh doanh), tài sản được xử lý như sau:

a. Đối với đất: Khi chuyển đổi mô hình hoạt động, cơ sở ngoài công lập được thuê đất, miễn thu tiền thuê đất theo quy định.

b. Đối với tài sản trên đất: Phần tài sản nhà nước đã đầu tư được kiểm kê, đánh giá lại để bán hoặc cho cơ sở ngoài công lập thuê.

Quy trình, thủ tục, phương pháp đánh giá lại giá trị tài sản và xử lý cho cơ sở ngoài công lập thuê hoặc mua lại thực hiện theo quy định tại mục VI Thông tư 91/2006/TT-BTC ngày 2/10/2006 của Bộ Tài chính.

2. Đối với việc chuyển đổi từ mô hình công lập, bán công ra cơ sở ngoài công lập (cơ sở cung ứng dịch vụ công cộng có mục đích kinh doanh) hoặc doanh nghiệp tài sản được xử lý như sau:

a. Đối với đất: Thực hiện việc giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc thuê đất trả tiền thuê đất theo quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 5 của quy định này.

b. Đối với tài sản trên đất: Phần tài sản nhà nước đã đầu tư được kiểm kê, đánh giá lại theo quy định và cho doanh nghiệp thuê hoặc ưu tiên mua lại được thực hiện theo quy định tại mục VI Thông tư 91/2006/TT-BTC ngày 2/10/2006 của Bộ Tài chính.

3. Trường hợp bộ phận bán công thuộc các cơ sở công lập được cấp có thẩm quyền quyết định chuyển trở về cơ sở công lập, tài sản được xử lý như sau:

Bộ phận bán công phải tiến hành kiểm kê, định giá tài sản theo quy định để theo dõi, quản lý theo chế độ quản lý tài sản hiện hành. Tài sản hình thành từ vốn huy động ngoài ngân sách nhà nước để mua sắm, xây dựng trong quá trình hoạt động của bộ phận bán công được xử lý như sau:

a. Trường hợp người góp vốn muốn nhận lại tài sản thì tài sản sẽ được trả lại cho người góp vốn.

b. Trường hợp cơ sở công lập tiếp nhận có nhu cầu sử dụng và đồng ý tiếp nhận tài sản thì thông qua Hội đồng định giá để xác định giá làm cơ sở thanh toán với người góp vốn.

c. Trường hợp cơ sở công lập không có nhu cầu sử dụng tài sản và người góp vốn không muốn nhận, tài sản sẽ được bán thanh lý để trả lại cho người góp vốn.

d. Phương pháp kiểm kê, đánh giá lại tài sản theo quy định tại mục VI Thông tư 91/2006/TT-BTC ngày 2/10/2006 của Bộ Tài chính.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của cơ sở ngoài công lập:

Thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định 53/2006/NĐ-CP ngày 25/5/2006 của Chính phủ và mục XII Thông tư 91/2006/TT-BTC ngày 2/10/2006 của Bộ Tài chính.

Điều 14. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, quận, huyện

1. Sở Giao thông Công chính chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành có liên quan hướng dẫn và triển khai thực hiện Điều 2, Điều 3 của quy định này.

2. Các Sở Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Văn hoá Thông tin, Thể dục Thể thao, Lao động Thương binh và xã hội

a. Thực hiện quản lý nhà nước và thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động (kể cả hoạt động về tài chính) đối với các cơ sở ngoài công lập theo phân cấp quản lý kinh tế - xã hội của Thành phố.

b. Công bố công khai kế hoạch phát triển xã hội hoá của ngành (điểm c khoản 1 Điều 5 của quy định này).

c. Lựa chọn danh mục các dự án công trình (xã hội hoá) kêu gọi nhà đầu tư gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo UBND Thành phố.

d. Chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ và các sở, ngành có liên quan: Hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục thành lập, giải thể và quản lý hoạt động của các cơ sở ngoài công lập; lựa chọn đề xuất các phương án chuyển đổi mô hình hoạt động của các cơ sở công lập, bán công thuộc ngành ra ngoài công lập hoặc doanh nghiệp.

e. Phối hợp với Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất và các sở, ngành có liên quan xác định loại hình cơ sở cung ứng dịch vụ công cộng không nhằm mục đích kinh doanh và có mục đích kinh doanh theo quy định tại Mục II Thông tư số 05/2007/TT-BTNMT ngày 30/5/2007.

f. Các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Lao động Thương binh xã hội, Y tế: Thẩm tra, xác định các dự án đầu tư, tăng cường cơ sở vật chất đạt tiêu chuẩn theo điểm a khoản 3 Điều 4, khoản 2 Điều 6, khoản 4 Điều 7 của Quy định này.

g. Hàng năm tổng hợp, đề xuất: Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn; các danh hiệu thi đua, khen thưởng cho các cá nhân, tập thể của cơ sở ngoài công lập theo Điều 9, Điều 10 của Quy định này.

3. UBND quận, huyện:

a. Chủ trì phối hợp với các sở ngành có liên quan thực hiện Điều 2, Điều 3 của quy định này trong trường hợp UBND Thành phố giao UBND quận, huyện là bên mời thầu.

b. Thực hiện các nhiệm vụ tại các điểm a, b, c, d, e, f, g khoản 2 Điều này theo phân cấp quản lý kinh tế - xã hội của Thành phố.

4. Sở Quy hoạch Kiến trúc:

a. Chủ trì công bố công khai quy hoạch xây dựng (điểm a khoản 1 Điều 5 của quy định này), cung cấp các thông tin về quy hoạch xây dựng liên quan đến các dự án xã hội hoá.

b. Hướng dẫn các quy trình, hồ sơ thủ tục về thỏa thuận quy hoạch; Thẩm tra và có ý kiến về các nội dung có liên quan đến quy hoạch, kiến trúc có liên quan đến các dự án xã hội hoá.

5. Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất:

a. Chủ trì công bố công khai kế hoạch sử dụng đất (điểm b khoản 1 Điều 5 của quy định này). Cung cấp các thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất liên quan đến các dự án xã hội hoá.

b. Chủ trì: thẩm định nhu cầu sử dụng đất, hướng dẫn và tiếp nhận giải quyết thủ tục giao, cho thuê đất cho cơ sở ngoài công lập và kiểm tra việc chấp hành pháp luật về đất đai theo quy định; phối hợp với các sở, ngành có liên quan xác định loại hình cơ sở cung ứng dịch vụ công cộng không nhằm mục đích kinh doanh và có mục đích kinh doanh theo quy định tại Mục II Thông tư số 05/2007/TT-BTNMT ngày 30/5/2007 theo khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 5 của quy định này.

c. Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện việc đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xây mới quỹ nhà, cơ sở hạ tầng thuộc Nhà nước quản lý cho cơ sở ngoài công lập thuê theo khoản 1 Điều 6 của quy định này.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a. Chủ trì phối hợp với các ngành tổng hợp công bố công khai danh mục kêu gọi đầu tư của các ngành thuộc lĩnh vực xã hội hoá (điểm d khoản 1 Điều 5 của quy định này).

b. Chủ trì tổng hợp, thẩm định lựa chọn chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trong các lĩnh vực dịch vụ đô thị, giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá, thể dục thể thao trình UBND Thành phố xem xét quyết định giao chủ đầu tư thực hiện dự án xã hội hoá theo các quy định hiện hành của Thành phố.

c. Hướng dẫn thực hiện các cơ chế chính sách của Thành phố liên quan tới việc đầu tư và ưu đãi đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ đô thị, giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá, thể thao theo thẩm quyền.

d. Phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính tổng hợp chỉ tiêu đào tạo bồi dưỡng cán bộ thuộc các cơ sở ngoài công lập.

7. Cục Thuế:

a. Hướng dẫn các chính sách thuế liên quan đến cơ sở ngoài công lập, quy trình thủ tục cấp mã số thuế, hóa đơn biên lai thu tiền, thu thuế và miễn giảm thuế.

b. Quản lý, thanh tra, kiểm tra việc kê khai nộp thuế và chấp hành chính sách thuế của các cơ sở ngoài công lập.

8. Sở Tài chính:

a. Chủ trì phối hợp với các ngành có liên quan hướng dẫn về công tác quản lý tài chính đối với cơ sở ngoài công lập.

b. Phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp chỉ tiêu đào tạo bồi dưỡng cán bộ thuộc các cơ sở ngoài công lập.

c. Chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan thẩm định trình UBND Thành phố cấp hỗ trợ một phần lãi suất tiền vay sau đầu tư theo khoản 3 Điều 4, điểm b khoản 2 Điều 6, khoản 4 Điều 7 của quy định này.

d. Hướng dẫn việc xử lý tài sản của các cơ sở công lập, bán công khi chuyển ra ngoài công lập hoặc doanh nghiệp.

e. Chủ trì phối hợp với các sở chuyên ngành thẩm định trình UBND Thành phố quyết định giá dịch vụ (theo khoản 2 Điều 3) và giá cho thuê ưu đãi (theo khoản 1 Điều 6) của Quy định này.

9. Sở Nội vụ:

a. Chủ trì phối hợp với các Sở chuyên ngành hướng dẫn chế độ, chính sách đối với người lao động, đặc biệt là chính sách đối với người lao động khi chuyển đổi mô hình từ công lập sang cơ sở ngoài công lập hoặc doanh nghiệp.

b. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tổng hợp trình UBND Thành phố chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thuộc các cơ sở ngoài công lập cùng với chỉ tiêu kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức hàng năm của Thành phố theo phân cấp quản lý (thực hiện Điều 9 của quy định này).

c. Phối hợp với các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Văn hoá Thông tin, Thể dục Thể thao, Lao động Thương binh và Xã hội và UBND các quận, huyện: Hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục thành lập, giải thể và quản lý hoạt động của các cơ sở ngoài công lập; lựa chọn đề xuất các phương án chuyển đổi mô hình hoạt động của các cơ sở công lập, bán công ra ngoài công lập hoặc doanh nghiệp.

10. Quỹ đầu tư phát triển Thành phố Hà Nội:

a. Hướng dẫn thủ tục, trình tự hồ sơ cho các cơ sở công lập, ngoài công lập hoạt động trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá, thể thao vay vốn để đầu tư xây dựng, tăng cường cơ sở vật chất theo khoản 1 Điều 4, điểm a khoản 2 Điều 6, khoản 1 điều 7 của quy định này.

b. Cho vay, theo dõi sử dụng tình hình vốn vay, thu hồi tiền gốc và lãi vay theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

11. Sở Giao dịch I- Ngân hàng Phát triển Việt Nam: Hướng dẫn các chủ đầu tư thuộc đối tượng chính sách tín dụng đầu tư được tiếp cận và vay vốn từ nguồn vốn tín dụng của Nhà nước theo khoản 2 Điều 4, khoản 3 Điều 7 của quy định này.

12. Các trung tâm phát triển quỹ đất: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, quận, huyện có liên quan và các chủ đầu tư thực hiện khoản 4 Điều 5 của quy định này theo các quy chế hoạt động của các Trung tâm phát triển quỹ đất.

13. Ban thi đua khen thưởng Thành phố: Hướng dẫn về công tác thi đua khen thưởng đối với các cơ sở ngoài công lập; Tổng hợp, đề xuất cấp có thẩm quyền phê duyệt các danh hiệu thi đua, khen thưởng cho các cơ sở ngoài công lập theo các quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Các nội dung khác có liên quan không ghi trong quy định này, thực hiện theo quy định tại Nghị định 53/2006/NĐ-CP ngày 25/5/2006 của Chính phủ; Thông tư số 91/2006/TT-BTC ngày 2/10/2006 của Bộ Tài chính; Thực hiện các quy định tại Thông tư số 05/2007/TT-BTNMT ngày 30/5/2007 của Bộ Tài nguyên Môi trường và các quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh gửi về Sở Tài chính để tổng hợp nghiên cứu, đề xuất báo cáo UBND Thành phố xem xét giải quyết. *bt*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Minh Hiến

PHỤ LỤC 1

Quy trình, thủ tục cấp hỗ trợ một phần lãi suất tiền vay sau đầu tư
(Kèm theo Quyết định số: 138 /2007/QĐ-UB ngày 03/4/2007
của UBND Thành phố Hà Nội)

I. Phạm vi, đối tượng áp dụng

Ngân sách Thành phố Hà Nội hỗ trợ một phần lãi suất tiền vay sau đầu tư (sau đây gọi tắt là *hỗ trợ sau đầu tư*) cho các dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực giáo dục-đào tạo, y tế quy định tại khoản 3 Điều 4, khoản 3 Điều 6, khoản 4 Điều 7 của quy định này.

II. Điều kiện để được hưởng hỗ trợ sau đầu tư

1. Dự án có quyết định đầu tư theo đúng thẩm quyền quy định và được các tổ chức tín dụng thương mại (kể cả trường hợp Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố Hà Nội huy động vốn tín dụng thương mại ngoài vốn Điều lệ để cho vay) cho vay vốn.

2. Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng, có biên bản nghiệm thu, văn bản phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án và đã trả được nợ vay theo hợp đồng vay.

3. Các dự án không được hỗ trợ sau đầu tư: Dự án vay từ vốn Điều lệ của Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố Hà Nội; dự án được Ngân hàng phát triển cho vay vốn tín dụng đầu tư, hỗ trợ sau đầu tư hoặc được ngân sách cấp hỗ trợ đầu tư (giảm, xoá lãi tiền vay...)

III. Mức hỗ trợ sau đầu tư

1. Nguyên tắc xác định

- Mức hỗ trợ sau đầu tư được tính cho từng dự án và cấp cho chủ đầu tư.

- Mức hỗ trợ sau đầu tư là phần chênh lệch giữa lãi suất cho vay từ vốn tín dụng thương mại của các Ngân hàng thương mại và lãi suất cho vay từ vốn điều lệ của Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố trên tổng số vốn vay theo hợp đồng vay (sau đây gọi tắt là CLLS tiền vay sau đầu tư)

- Chỉ hỗ trợ sau đầu tư đối với số vốn vay chủ đầu tư trả nợ tổ chức tín dụng kể từ ngày có văn bản phê duyệt quyết toán vốn đầu tư của cấp có thẩm quyền.

- Đối với các khoản vay chủ đầu tư trả nợ trước hạn, mức hỗ trợ sau đầu tư được tính theo thời hạn thực vay của khoản vay đó theo hợp đồng tín dụng đã ký.

- Đối với các dự án được khoan nợ thì thời gian khoan nợ không được tính vào thời hạn thực vay để tính hỗ trợ sau đầu tư.

- Thời hạn tính hỗ trợ sau đầu tư tối đa bằng thời hạn ghi trong hợp đồng tín dụng ký lần đầu. Thời hạn cấp hỗ trợ sau đầu tư được kéo dài 1 quý kể từ khi hết hạn vay ghi trong hợp đồng tín dụng đã ký lần đầu.

- Không hỗ trợ đối với các khoản trả nợ quá hạn, nợ trả trong thời gian gia hạn nợ

- Chủ đầu tư chỉ được nhận hỗ trợ sau đầu tư đối với số vốn vay để đầu tư tài sản cố định (bao gồm cả phần phải chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đất theo quy

định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ tái định cư hoặc chi phí hạ tầng phải nộp trong các dự án, khu đô thị mới đã được xây dựng cơ sở hạ tầng) và trong phạm vi tổng số vốn đầu tư tài sản cố định được duyệt của dự án.

2. Cách xác định mức hỗ trợ sau đầu tư đối với một dự án

- Mức hỗ trợ sau đầu tư cho cả dự án: Tổng mức hỗ trợ đầu tư cho cả dự án bằng tổng mức hỗ trợ sau đầu tư hàng năm cho dự án; Mức hỗ trợ sau đầu tư hàng năm bằng tổng mức hỗ trợ sau đầu tư cho từng lần trả nợ trong năm của dự án.

- Số tiền hỗ trợ sau đầu tư cho từng kỳ hạn trả nợ:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Mức hỗ trợ sau} & & \text{Số nợ gốc} & & \text{CLLS tiền} & & \text{Thời hạn thực} \\ \text{đầu tư từng lần trả} & = & \text{thực trả từng} & \times & \text{vay sau} & \times & \text{vay (quy đổi} \\ \text{nợ} & & \text{lần trả nợ} & & \text{đầu tư} & & \text{theo năm) của số} \\ & & & & & & \text{nợ gốc thực trả} \end{array}$$

+ Thời hạn thực vay để tính hỗ trợ sau đầu tư là khoảng thời gian (được quy đổi theo năm) từ ngày, tháng năm nhận vốn vay đến ngày, tháng, năm nợ gốc trong hạn được trả cho tổ chức tín dụng theo hợp đồng tín dụng đã ký lần đầu.

Nguyên tắc xác định: Việc xác định thời hạn thực vay căn cứ vào thời điểm nhận nợ ghi trên bảng kê số vốn giải ngân của tổ chức tín dụng và thời điểm trả nợ gốc ghi trên bảng kê số vốn trả nợ cho tổ chức tín dụng (quy đổi theo năm) đã ký giữa chủ đầu tư và tổ chức tín dụng cho vay vốn. Lấy thời điểm giải ngân số vốn vay lần đầu so với thời điểm trả nợ kỳ đầu tiên của khoản nợ gốc trong hạn để tính số ngày thực vay của số nợ gốc thực trả lần đầu và trên cơ sở đó tính lùi để xác định số ngày thực vay của số nợ gốc trả các lần tiếp theo.

3. Ngân sách Thành phố cấp hỗ trợ sau đầu tư bằng đồng Việt Nam: Đối với các dự án vay bằng đồng ngoại tệ, tỷ giá quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam để tính mức hỗ trợ được áp dụng theo tỷ giá Liên ngân hàng công bố tại thời điểm xét hỗ trợ.

IV. Trình tự xét duyệt hỗ trợ sau đầu tư

1. Chủ đầu tư các dự án thuộc phạm vi, đối tượng và điều kiện quy định tại mục I, II phụ lục này, gửi đến Sở Tài chính 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ sau đầu tư (gửi 1 lần cho đến khi kết thúc hỗ trợ sau đầu tư) gồm:

- Công văn đề nghị được hỗ trợ sau đầu tư (có ý kiến xác nhận, đề nghị của cơ quan quản lý chuyên ngành).

- Dự án đầu tư (bản chính hoặc bản sao có chứng thực từ bản chính hoặc có xác nhận sao y bản chính của cơ quan lập dự án).

- Quyết định đầu tư của người có thẩm quyền theo quy định hiện hành (bản chính hoặc bản sao có chứng thực từ bản sao chính).

- Hợp đồng tín dụng, bảng kê số vốn giải ngân của tổ chức tín dụng (bản chính hoặc bản sao có chứng thực từ bản sao chính).

- Biên bản nghiệm thu công trình hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng (bản chính hoặc bản sao có chứng thực từ bản sao chính).

- Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án theo quy định hiện hành (bản chính hoặc bản sao có chứng thực từ bản sao chính).

Bản sao các tài liệu trên có 2 tờ trở lên phải đóng dấu giáp lai. Trường hợp tài liệu trên có sự thay đổi, chủ đầu tư gửi bổ sung đến Sở Tài chính.

2. Khi nhận đủ hồ sơ theo khoản 1 mục này, Sở Tài chính chủ trì phối hợp sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành có liên quan xem xét, thẩm định đối với từng dự án trình UBND Thành phố phê duyệt. Nội dung thẩm định:

- Đối tượng, điều kiện hỗ trợ sau đầu tư.

- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ; sự phù hợp về nội dung, số liệu, trình tự ban hành các tài liệu trong hồ sơ dự án hỗ trợ sau đầu tư.

3. Thông báo hỗ trợ sau đầu tư:

Sau khi dự án được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt hỗ trợ sau đầu tư, Sở Tài chính có văn bản thông báo hỗ trợ sau đầu tư cho dự án.

V. Cấp tiền hỗ trợ sau đầu tư

1- Hàng năm, Sở Tài chính thực hiện cấp tiền hỗ trợ sau đầu tư cho chủ đầu tư tối đa mỗi quý 1 lần tùy theo lịch trả nợ tổ chức tín dụng, kết thúc chậm nhất vào ngày 31/12. Trường hợp trong năm chưa cấp hết tiền hỗ trợ sau đầu tư cho các khoản trả nợ đủ điều kiện hỗ trợ sau đầu tư (do chủ đầu tư trả nợ vào cuối tháng 12), chủ đầu tư đăng ký vào kế hoạch hỗ trợ sau đầu tư năm kế tiếp.

2. Hồ sơ cấp tiền hỗ trợ sau đầu tư: Ngoài bộ hồ sơ đã gửi đến Sở Tài chính theo quy định tại điểm 3 mục IV nêu trên, mỗi lần đề nghị cấp hỗ trợ sau đầu tư, chủ đầu tư gửi đến Sở Tài chính các tài liệu sau:

- Giấy đề nghị cấp tiền hỗ trợ sau đầu tư, trong đó cam kết của chủ đầu tư về việc đang quản lý tài sản cố định hình thành từ vốn vay của dự án được hỗ trợ sau đầu tư (bản chính).

- Bảng kê số vốn trả nợ cho tổ chức tín dụng (bản chính, nếu có 2 tờ rời trở lên phải đóng dấu giáp lai)

3. Cấp tiền hỗ trợ sau đầu tư: Giám đốc Sở tài chính quy định trình tự kiểm tra hồ sơ và thực hiện cấp hỗ trợ sau đầu tư.

VI. Hạch toán khoản tiền hỗ trợ sau đầu tư

1- Những dự án, công trình đã hoàn thành được Ngân sách nhà nước hỗ trợ, chủ đầu tư được phép hạch toán giảm chi phí, hoặc tăng thu nhập của đơn vị.

2- Kết thúc niên độ kế toán, chủ đầu tư phải hạch toán toàn bộ số tiền được hỗ trợ theo quy định tại khoản 1, mục này và phản ánh vào Báo cáo quyết toán tài chính năm của đơn vị.

3. Sở Tài chính tổ chức kiểm tra, hướng dẫn chủ đầu tư hạch toán khoản tiền hỗ trợ đúng chế độ kế toán thống kê và chế độ tài chính hiện hành. Trường hợp kiểm tra phát hiện cơ sở công lập, ngoài công lập có vi phạm, sử dụng sai mục đích thì Sở Tài chính ngừng cấp phát, đồng thời báo cáo UBND Thành phố xem xét thu hồi lại toàn bộ số tiền đã hỗ trợ vào Ngân sách Thành phố.

PHỤ LỤC 2

Chi tiết mức hỗ trợ, nội dung chi và quy trình xây dựng chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đối với các cơ sở ngoài công lập trong các lĩnh vực giáo dục
- đào tạo, y tế, văn hoá, thể dục thể thao (phần ngân sách hỗ trợ)
(Kèm theo Quyết định số: 138 /2007/QĐ-UB ngày 03/12/năm 2007
của UBND Thành phố Hà Nội)

1. Mức hỗ trợ:

Mức hỗ trợ, nội dung chi cho chỉ tiêu đào tạo bồi dưỡng cán bộ ngoài công lập được áp dụng như đối với nội dung, mức kinh phí đào tạo bồi dưỡng cán bộ cơ sở công lập theo phân cấp quản lý, quy định hiện hành của Thành phố:

- Các lớp đào tạo, bồi dưỡng cấp Thành phố: thực hiện theo mức kinh phí, nội dung chi đào tạo cho cán bộ, công chức các đơn vị hành chính, sự nghiệp của Thành phố.

- Các lớp đào tạo, bồi dưỡng cấp quận, huyện, xã, phường: thực hiện theo mức kinh phí, nội dung chi đào tạo cho cán bộ, công chức các đơn vị hành chính, sự nghiệp của cấp quận, huyện.

2. Xây dựng chỉ tiêu kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng:

- Hàng năm, căn cứ vào nhiệm vụ của năm kế hoạch, các sở chuyên ngành (các phòng ban chuyên môn thuộc quận, huyện - đối với cơ sở ngoài công lập thuộc quận, huyện) có trách nhiệm tổng hợp chỉ tiêu đào tạo bồi dưỡng cán bộ của cơ sở ngoài công lập được ngân sách hỗ trợ cùng với tổng hợp chỉ tiêu kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của các cơ sở công lập gửi Sở Nội vụ đồng gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư (gửi phòng nội vụ, tài chính quận, huyện - đối với cơ sở ngoài công lập thuộc quận, huyện quản lý)

- Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách, trên cơ sở tổng hợp của các sở chuyên ngành (các phòng ban chuyên môn thuộc quận, huyện, Liên Sở: Nội vụ - Tài chính - Kế hoạch Đầu tư (phòng Nội vụ, phòng Tài chính) rà soát thống nhất trình UBND Thành phố (UBND quận, huyện phê duyệt chỉ tiêu đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức năm kế hoạch (bao gồm cả chỉ tiêu đào tạo bồi dưỡng cán bộ cơ sở ngoài công lập - chỉ tiêu ngân sách hỗ trợ kinh phí)

- Căn cứ vào chỉ tiêu đào tạo bồi dưỡng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các sở chuyên ngành, (phòng nội vụ) thông báo đến các cơ sở ngoài công lập: Chỉ tiêu đào tạo bồi dưỡng cán bộ (được ngân sách hỗ trợ kinh phí), dự toán ngân sách hỗ trợ, thời gian, địa điểm học, các cơ sở hoặc cơ quan đơn vị được giao chủ trì thực hiện các lớp đào tạo, bồi dưỡng.

- Các cơ sở đào tạo bồi dưỡng chuyên ngành hoặc các cơ quan, đơn vị được Thành phố giao chủ trì tổ chức thực hiện các lớp đào tạo, bồi dưỡng có trách nhiệm sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ đào tạo bồi dưỡng đúng đối tượng, đúng mục đích, đúng nội dung chi và thành quyết toán theo quy định của nhà nước.